

## Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

## Nhóm Vĩ mô &amp; Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ sáu, ngày 23 tháng 8 năm 2019

## Vietnam Daily Review

Sắc đỏ bao trùm

## Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/8/2019		•	
Tuần 26/8-30/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

## Nhận định:

**Thị trường cơ sở:** Trong phiên sáng, áp lực bán chốt lời gia tăng tại các mã bluechips trụ cột thị trường như VCB, VIC, VHM, đã kéo chỉ số xuống dưới mốc tham chiếu. Đến phiên chiều, một số cổ phiếu giảm mạnh trong phiên sáng mở rộng đà giảm và đẩy chỉ số về ngưỡng 992.45 điểm. Kết thúc chuỗi tăng điểm liên tiếp, thị trường có phiên điều chỉnh mạnh ngược lại với xu hướng trong khu vực khi gặp ngưỡng cản tâm lí 1000 điểm. **Trước xu hướng này, nhà đầu tư có thể cân nhắc bán chốt lời một phần danh mục trong khi theo dõi kết quả của cuộc họp thượng đỉnh G7 vào cuối tuần này.**

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL có sự phân hóa về giá. VN30F1909 và VN30F2003 tăng giá, trong khi VN30F1910 và VN30F1912 giảm giá. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho hợp đồng trung hạn.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 23/08/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng. MWG đang tích lũy tại vùng giá 115-120 sau khi tạo đỉnh tại ngưỡng 122. Thanh khoản chưa xác nhận xu hướng rõ ràng. Tuy nhiên các chỉ báo kỹ thuật đang báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn, và sẽ tạo áp lực giảm giá lên nhóm chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

**Danh mục i-Invest: Theme\_Chiến tranh thương mại\_+0.3%.** Danh mục **Chiến tranh thương mại** hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.3%**, con số này của VNINDEX là **-0.5%**. Trong hôm nay có tới 8/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, trong tuần này có 10/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất khả quan.

**Cập nhật iBROKER: SAB, HAH**

**Phân tích kỹ thuật: STB\_Tín hiệu tích cực (Trang 3)**

## Điểm nhấn

- VN-Index **-4.81 điểm**, đóng cửa 992.45. HNX-Index **-0.25 điểm**, đóng cửa 103.25.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+0.29); HPG (+0.29); FPT (+0.28); STB (+0.22); ROS (+0.11).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.08); VHM (-0.88); VCB (-0.87); VNM (-0.51); VRE (-0.47).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,746.1 tỷ đồng**, **-4.2%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.38 điểm. Thị trường có 139 mã tăng và 173 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **219.93 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VJC (76.43 tỷ), VRE (45.86 tỷ) và VNM (38.98 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **8.73 tỷ đồng**.

**VN-INDEX 992.45**

Giá trị: 2746.15 tỷ **-4.81 (-0.48%)**

Khối ngoại (ròng): -219.93 tỷ

**HNX-INDEX 103.25**

Giá trị: 258.65 tỷ **-0.25 (-0.24%)**

Khối ngoại (ròng): -8.73 tỷ

**UPCOM-INDEX 57.95**

Giá trị: 334.31 tỷ **0.02 (0.03%)**

Khối ngoại(ròng): 19.3 tỷ

## Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.3	-0.16%
Giá vàng	1,496	-0.12%
Tỷ giá USD/VND	23,201	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,704	-0.06%
Tỷ giá JPY/VND	21,757	-0.20%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	8.32%
LS TPCP 5 năm	3.3%	-7.04%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

## Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	22.4	VJC	76.4
VIC	11.6	VRE	45.9
NVL	10.6	VNM	39.0
PVD	9.4	HPG	30.1
STB	5.8	VRC	12.8

Nguồn: BSC Research

**Tổng quan thị trường** Trang 1

**i-INVEST** Trang 2

**Tín hiệu cổ phiếu** Trang 3

**Tín hiệu hàng hóa** Trang 4

**Câu chuyện cuối tuần** Trang 5

**Thị trường phái sinh** Trang 6

**Cổ phiếu lớn** Trang 7

**Thống kê thị trường** Trang 8

**Báo cáo mới nhất** Trang 9

**iBroker** Trang 10

**Khuyến cáo sử dụng** Trang 11



- ♦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ♦ Bạn bận khoăn với biến động thị trường
- ♦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

**I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM**

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây  
Bản công bố rủi ro

[Link](#)  
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng  
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)  
[Link](#)

Danh mục **Chiến tranh thương mại** hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.3%**, con số này của **VNINDEX** là **-0.5%**. Trong hôm nay có tới **8/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, trong tuần này có **10/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**.

## Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme\_Chiến tranh thương mại\_0.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
<b>Chủ đề</b>	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Chiến tranh thương mại	0.3%	-0.1%	-0.5%	-2.1%	0.8%	11.4%	12.9%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	1.0%	1.4%	2.3%	6.6%	9.6%	14.3%
Dầu khí	0.1%	2.2%	-1.4%	-3.2%	6.3%	6.4%	14.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	-0.8%	3.6%	6.3%	5.7%	3.1%	72.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	0.5%	2.4%	4.4%	1.3%	2.8%	74.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	1.4%	-0.9%	-0.9%	7.3%	21.1%	59.2%
Ngân hàng	-0.2%	1.1%	2.5%	7.1%	3.3%	-1.7%	74.4%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.3%	0.3%	-0.7%	-2.6%	0.4%	-4.6%	0.6%
Nước & Năng lượng	-0.5%	1.1%	-2.1%	-2.1%	2.7%	14.0%	61.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.6%	1.3%	-0.1%	0.8%	-3.1%	2.0%	91.0%
BDS & Khu công nghiệp	-0.7%	0.4%	1.2%	3.2%	3.6%	7.7%	58.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.1%	-1.0%	-3.7%	-4.1%	-5.0%	-4.6%	51.5%
Xây dựng	-1.1%	-0.7%	-2.9%	-6.1%	-6.4%	-13.5%	28.0%
Hàng tiêu dùng	-1.3%	0.5%	4.0%	4.1%	6.4%	8.5%	65.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Danh mục 13	0.7%	0.9%	0.5%	1.0%	-1.7%	2.2%	29.6%
Danh mục 10	0.4%	1.6%	2.4%	5.9%	6.1%	5.0%	54.2%
Danh mục 14	0.3%	2.1%	3.3%	1.2%	4.0%	4.0%	43.3%
Danh mục 16	-0.6%	-0.6%	1.6%	4.8%	2.6%	4.2%	65.3%
Danh mục 11	-0.7%	0.3%	-0.7%	-3.1%	-3.5%	-0.8%	90.1%

\* Note: Hôm nay có **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Danh mục 25	0.3%	0.9%	2.5%	8.5%	16.5%	37.5%	201.0%
Danh mục 21	0.1%	2.2%	2.5%	4.5%	7.1%	5.0%	52.2%
Danh mục 23	0.0%	0.5%	2.4%	0.3%	1.8%	11.8%	131.7%
Danh mục 19	-0.3%	0.7%	3.6%	5.9%	6.9%	8.7%	56.9%
Danh mục 22	-0.5%	0.8%	4.2%	7.8%	9.2%	1.6%	65.6%

\* Note: Hôm nay có **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

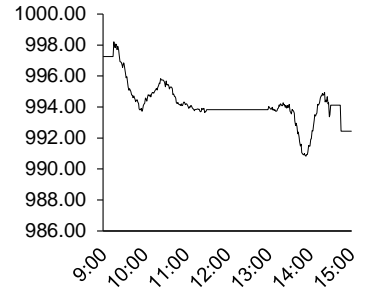
INDEX							
VNINDEX	-0.5%	1.3%	0.4%	2.3%	0.4%	0.5%	50.6%
VN30INDEX	-0.1%	0.9%	1.4%	1.8%	-3.1%	-6.2%	39.1%

\*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:  
\*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 1

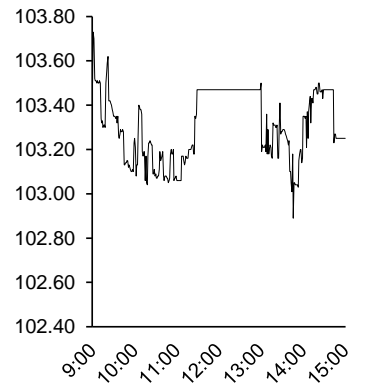
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	2.0%
Tài nguyên Cơ bản	1.2%
Truyền thông	0.6%
Du lịch và Giải trí	0.4%
Y tế	0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.2%
Ngân hàng	-0.3%
Bảo hiểm	-0.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.4%
Hóa chất	-0.5%
Thực phẩm và đồ uống	-0.7%
Ô tô và phụ tùng	-0.7%
Dầu khí	-0.8%
Bán lẻ	-0.8%
Dịch vụ tài chính	-0.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.9%
Bất động sản	-0.9%

Nguồn: FiinPro

## Phân tích kỹ thuật

### STB\_Tín hiệu tích cực

#### Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

**Nhận định:** Cổ phiếu STB đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi tạo vài phiên tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng đáy 10. Thanh khoản cổ phiếu đã tăng mạnh trở lại và vượt xa ngưỡng trung bình 20 phiên trong phiên bứt phá hôm nay. Trong khi chỉ báo RSI đang cho thấy tín hiệu tăng mạnh thì chỉ báo MACD cũng cho dấu hiệu tích cực của nhịp vận động giá. Đường giá cổ phiếu đã chạm vào dải mây ichomoku, báo hiệu khởi đầu của xu hướng tăng trong trung hạn. Như vậy, STB sẽ tăng trở lại vùng giá 12-12.5 trong các phiên giao dịch tới.



## Phân Tích cơ bản về cổ phiếu

**Dự báo KQKD:** BSC dự báo STB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 13,227 tỷ VND (+13.3% yoy) và 2,574 tỷ VND (+14.6% yoy), BVPS 2019 = 14,699 VND/cp với giả định (1) tăng trưởng tín dụng +16% yoy, (2) NIM cải thiện nhẹ lên mức 2.38%, (3) NPL = 2.1%, tỷ lệ bao nợ xấu = 70%.

**Luận điểm đầu tư:** Quan điểm đầu tư. Chúng tôi đánh giá, STB là cổ phiếu có thể mua và nắm giữ trong dài hạn nhờ (1) sự tích cực trong việc xử lý nợ xấu, (2) quy mô lớn, có sự phục hồi về LN. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến nghị theo dõi kỹ quá trình xử lý nợ xấu trong tương lai trước khi ra quyết định đầu tư.

**Rủi ro Đầu tư:** NPL cao, chất lượng tài sản xấu.

### Cập nhật KQKD

KQKD quý 2/2019. Huy động 400,00 tỷ VND, tăng trưởng tín dụng đã xin được mức > 7% (Theo BSC, mức tăng trưởng tín dụng sẽ ở mức 12-14% do STB tham gia xử lý một vài quỹ tín dụng bé + đã nộp dự kiến xử lý nợ xấu và basel II). Tăng trưởng về phí dịch vụ từ 30%-40% trong năm 2019 nhờ hệ thống giao dịch lớn (566 điểm giao dịch) + 60% các khoản vay là cá nhân giúp tăng phí giao dịch.

CIR ở mức cao, kỳ vọng giảm xuống mức 60%-62% trong 2019. Hiện nay chủ yếu chi phí vận hành của STB đến từ chi phí nhân viên (18,500 người). Ngân hàng dự kiến sẽ cắt giảm chi phí nhân viên, các chi phí khác sẽ cắt giảm 5% mỗi năm. Mục tiêu CIR trong vài năm tới ở mức 50%.

Chất lượng tài sản được kỳ vọng cải thiện. NPL = 1.8%, LDR = 70%, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức 34% và sẽ giảm xuống 30% trong thời gian tới. Trong năm 2019, STB dự kiến sẽ xoá nợ VAMC từ 10,000 - 15,000 tỷ VND, dự kiến đến 2023 sẽ xoá hết được 75% nợ VAMC. Nợ xấu cũng được kỳ vọng sẽ giảm xuống mức 1.6% trong năm 2019.

Lê Quốc Trung

[trunglq@bsc.com.vn](mailto:trunglq@bsc.com.vn)

**Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 23/08/2019**

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 23/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	55.42	-0.29%	1.44%	-2.67%	-18.54%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.18	-0.23%	2.46%	-6.53%	-20.17%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.67	-1.43%	2.14%	-10.16%	-18.83%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1499.07	-0.29%	-1.69%	5.67%	26.39%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.04	-0.47%	-1.21%	4.04%	17.89%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	854.25	-0.52%	0.06%	-3.07%	1.96%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	467.08	1.08%	-0.25%	-3.99%	-10.38%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.59	-0.11%	-0.28%	1.09%	17.27%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	163.00	-2.92%	-9.99%	-28.88%	-0.12%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.62	2.02%	-0.69%	-3.59%	14.13%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.75	0.00%	0.00%	9.13%	-15.12%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	93.50	0.70%	-0.95%	-8.46%	-3.65%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.55	-1.01%	-1.70%	-5.52%	-4.04%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3752.00	0.08%	-0.37%	-7.63%	-15.06%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1779.00	-0.17%	0.23%	-2.04%	-14.27%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	84.81	1.10%	n/a	n/a	n/a	HLC, NBC	HT1, BCC
Than đá	USD/ton	67.00	-0.30%	-2.19%	-10.96%	-37.00%	HSG, HPG	HSG, HPG

Nguồn: BSC tổng hợp

**Thông tin nổi bật**

**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 22/08 giảm 0.38 USD hay 0.6% xuống 59.92 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 giảm 0.33 USD hay 0.6% xuống 55.35 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong phiên đêm qua do lo lắng về kinh tế toàn cầu và do không rõ về triển vọng cắt giảm lãi suất của Mỹ. Các thương nhân đang đợi bài phát biểu từ Jerome Powel, chủ tịch Fed tại Jackson Hole để có thể biết liệu ngân hàng trung ương Mỹ sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất không.

**Giá vàng**

- Vàng giao ngay giảm 0.2% xuống 1,498.45 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ đóng cửa phiên giảm 0.5% xuống 1,508.5 USD/ounce.
- Giá vàng giảm trong phiên do các bình luận từ quan chức Fed làm giảm hy vọng cho việc bổ sung nới lỏng tiền tệ, mặc dù các nhà đầu tư đang chờ đợi bài phát biểu của chủ tịch Fed Jerome Powel ngày 23/8 tại Jackson Hole để có chiều hướng rõ ràng về chính sách tiền tệ. Các thương nhân cũng mong đợi hội nghị thượng đỉnh G7 cuối tuần này để có manh mối về các bước đi mà các nhà hoạch định chính sách có thể thực hiện để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Giá quặng sắt**

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa tăng 1.1% lên 600 CNY (84.81 USD)/tấn. Quặng sắt tại Trung Quốc phục hồi trong cuối phiên giao dịch từ mức thấp nhất 10 tuần.
- Quặng sắt Đại Liên đã giảm hơn 20% trong tháng 8/2019, theo xu hướng là tháng tồi tệ nhất kể từ tháng 3/2018 sau 8 tháng tăng liên tiếp do lo ngại về nguồn cung dư thừa trong khi nhu cầu thấp. Các nhà phân tích dự báo giá vẫn biến động do triển vọng nhu cầu quặng sắt và nguồn cung tại nhà sản xuất thép hàng đầu Trung Quốc vẫn ảm đạm. Việc hạn chế sản xuất thép để chống ô nhiễm ở Trung Quốc dự kiến sẽ vẫn tiếp diễn và có thể tăng cường trước ngày Quốc khánh vào đầu tháng 10.

**Giá nông sản**

- Giá cà phê arabica giao tháng 12/2019 chốt phiên tăng 0.65 US cent hay 0.7% lên 97.3 US cent. Giá cà phê Robusta giao tháng 11/2019 giảm 1 USD hay 0.1% xuống 1,327 USD/tấn. Dự báo thời tiết ẩm, khô và thời tiết có khả năng gây thiệt hại cho mùa màng ở Brazil trong những tuần tới đang củng cố giá. Thị trường vẫn đang vật lộn để hấp thụ sản lượng kỷ lục của Brazil năm ngoái và dự kiến một vụ mùa lớn nữa trong năm nay.
- Tại Việt Nam, gạo 5% tấm giảm xuống 335 – 340 USD/tấn từ 335 – 345 USD/tấn trong tuần trước do nhu cầu yếu. Các khách hàng từ Philippines đã giảm nhập khẩu từ Việt Nam trong khi chờ đợi khả năng hạn chế nhập khẩu gạo để hỗ trợ nông dân trong nước.

**Giá cao su**

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 21/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 0.1 JPY xuống 168.2 JPY (1.58 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 không đổi tại 11,435 CNY (1,616 USD)/tấn. Cao su kỳ hạn trên sàn giao dịch Tokyo đóng cửa giảm nhẹ trong bối cảnh lo ngại về suy giảm toàn cầu và dự cung mặt hàng này tại Châu Á sau khi các nhà sản xuất hàng đầu không gia hạn việc hạn chế xuất khẩu.

## CON CHÓ CHẶN CỪU

Một người lạ đến một ngôi làng nhỏ. Anh ta muốn làm quen với mọi người nên đã đi đến sân làng.

Nhìn thấy một người cùng với một con chó chặn cừu trông có vẻ hung hãn.

Anh ta ngật ngưỡng nhìn con chó một lúc và hỏi người đàn ông nọ: “Chó của ông có cắn không?”.

Người đó nói: “Không”. Thế là anh ta cúi xuống tính xoa đầu con chó.

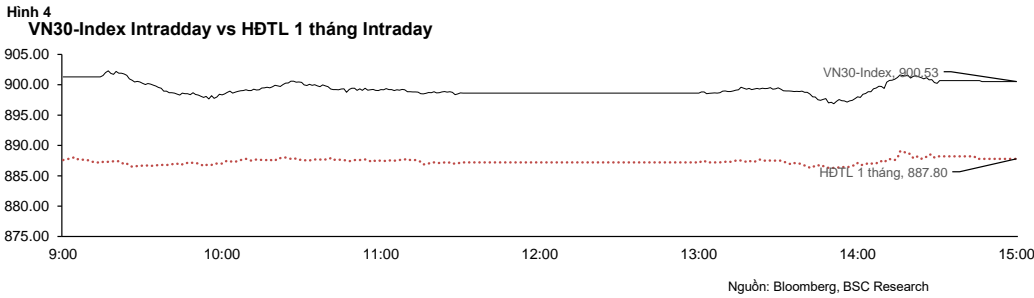
Bất ngờ, con chó lao tới cắn anh ta.

Trong khi sửa lại chiếc áo bị xé rách từng mảnh, anh ta quay sang người đàn ông và trách móc: “Tại sao ông nói con chó của ông không cắn?”.

Người đàn ông trả lời: “Đó có phải là chó của tôi đâu”.



Thị trường hợp đồng tương lai



**Bảng 4**  
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	887.80	0.14%	-12.73	-18.8%	52534	9/19/2019	27
VN30F1910	884.60	-0.02%	-15.93	-44.6%	216	10/17/2019	55
VN30F1912	884.00	-0.32%	-16.53	-34.8%	58	12/19/2019	118
VN30F2003	886.00	0.14%	-14.53	4.8%	22	3/19/2020	209

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Nhận định:**  
• VN30 Index giảm nhẹ 0.76 điểm xuống mức 900.53 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, MSN, VIC, VHM, và VRE tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 tiếp tục tích lũy quanh ngưỡng 900 điểm. Thanh khoản tiếp tục giảm phản ánh tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư.

• Các HĐTL có sự phân hóa về giá. VN30F1909 và VN30F2003 tăng giá, trong khi VN30F1910 và VN30F1912 giảm giá. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong ngắn hạn và trung hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	Kl giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CMWG1902	VND	12/11/2019	110	4:1	7,640	68.7%	2,400,000	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	129	1:1	26,190	-44.5%	1,000,000	20.87%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	116	1:1	462,710	567.2%	1,000,000	21.30%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	38	1:1	53,000	19.9%	1,000,000	18.93%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	36	1:1	84,580	-40.0%	3,000,000	21.30%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	17	4:1	43,010	58.9%	1,000,000	20.87%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	129	1:1	30,810	-40.8%	2,000,000	18.93%
CFPT1901	VND	9/11/2019	19	2:1	97,390	-13.2%	2,000,000	18.93%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	129	5:1	211,320	41.5%	2,000,000	20.87%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	129	1:1	30,950	86.9%	1,000,000	29.96%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	20	2:1	96,020	9.2%	1,500,000	29.96%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	18	2:1	36,650	-33.4%	2,000,000	29.96%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	38	1:1	13,340	-56.8%	1,000,000	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	18	5:1	64,220	-42.0%	1,000,000	22.75%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	112	10:1	134,640	-49.5%	5,000,000	22.20%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	110	5:1	250,650	197.1%	3,000,000	29.96%

**Chú thích:**  
\* Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes  
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%  
\*\* Tỷ lệ chuyển đổi

**Nhận định:**  
• Trong phiên giao dịch ngày 23/08/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.  
• CHPG1904 và CHPG1905 tăng giá nhiều nhất lần lượt là 8.60% và 7.89%. CMWG1901 giảm giá nhiều nhất 8.03%. Thanh khoản thị trường tăng 26.48%, CMBB1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 28% thị trường.  
• Ngoại trừ CFPT1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. MWG đang tích lũy tại vùng giá 115-120 sau khi tạo đỉnh tại ngưỡng 122. Thanh khoản chưa xác nhận xu hướng rõ ràng. Tuy nhiên các chỉ báo kỹ thuật đang báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn, và sẽ tạo áp lực giảm giá lên nhóm chứng quyền của cổ phiếu này trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh  
vinhtq@bsc.com.vn

**Bảng 2**  
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	54.40	2.64	1.06
STB	10.70	3.88	0.96
HPG	23.40	1.52	0.81
VJC	134.00	1.36	0.68
MBB	22.65	0.44	0.18

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Bảng 3**  
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	123.0	-0.81	-0.71
MSN	77.0	-1.28	-0.65
VIC	125.0	-0.87	-0.65
VHM	87.0	-1.02	-0.44
VRE	35.1	-1.96	-0.43

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
2,200	2,400	8.60%	1,116
3,300	4,100	7.89%	2,001
1,500	770	4.05%	395
1,000	530	1.92%	0
6,000	13,350	1.91%	9,284
2,700	6,000	1.69%	4,643
14,000	35,000	1.16%	28,057
1,200	1,000	1.01%	465
1,900	2,650	0.00%	2,131
3,200	3,600	-0.83%	1,747
2,990	9,000	-0.99%	6,953
3,800	9,280	-1.28%	8,629
1,900	4,700	-2.08%	4,756
1,700	2,430	-2.80%	901
1,200	810	-3.57%	16
2,000	7,220	-8.03%	7,099

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1902	48,130	90,000	116,500
CMWG1904	165,000	90,000	116,500
CMBB1902	26,300	21,800	22,650
CFPT1902	96,981	45,140	54,400
CMBB1901	23,700	20,600	22,650
CMWG1901	96,300	88,300	116,500
CFPT1903	56,154	45,140	54,400
CFPT1901	27,000	44,154	54,400
CMWG1903	25,800	95,000	116,500
CHPG1905	93,300	23,100	23,400
CHPG1903	22,100	23,200	23,400
CHPG1901	47,999	22,900	23,400
CHPG1904	98,800	23,100	23,400
CPNJ1901	26,300	77,981	82,800
CVNM1901	46,340	158,888	123,000
CHPG1902	168,888	41,999	23,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	116.5	-0.9%	0.7	2,242	5.2	7,893	14.8	4.9	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.8	-0.8%	1.0	802	3.5	4,727	17.5	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	78.5	-0.3%	1.3	2,392	0.3	1,503	52.2	3.6	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	38.4	0.0%	0.7	386	0.6	3,061	12.5	1.3	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	125.0	-0.9%	1.1	18,184	2.8	1,673	74.7	5.1	15.3%	8.2%
VRE	Bất động sản	35.1	-2.0%	1.1	3,549	3.6	1,033	33.9	2.9	32.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.0	-1.3%	0.8	2,508	1.2	3,579	17.3	2.9	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	36.3	-1.1%	1.0	489	1.6	5,261	6.9	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	13.8	0.7%	1.4	311	0.5	2,944	4.7	1.1	46.6%	27.0%
SSI	Chứng khoán	22.3	-0.4%	1.3	494	0.8	1,997	11.2	1.2	58.2%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.2	-3.7%	1.0	244	0.1	5,067	6.7	1.5	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.3	-2.1%	1.4	283	0.6	1,434	14.8	1.5	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	54.4	2.6%	0.8	1,604	4.3	4,349	12.5	2.8	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.7	-1.7%	0.4	494	0.0	3,778	12.1	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	104.0	-0.6%	1.5	8,654	1.3	6,066	17.1	4.5	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.0	-1.0%	1.5	3,156	0.5	3,271	19.0	3.7	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	21.0	-0.9%	1.7	436	1.7	2,351	8.9	0.8	23.9%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.3	0.0%	0.8	1,254	0.8	1,163	8.0	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	-0.5%	0.5	534	0.0	4,602	20.4	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.9	1.5%	0.7	236	0.2	853	16.2	0.7	19.7%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.2	0.5%	0.7	188	0.0	894	9.1	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	79.2	-1.0%	1.3	12,771	1.6	4,729	16.7	3.8	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	37.6	-0.1%	1.5	5,581	1.6	2,107	17.8	2.4	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.5	-0.5%	1.6	3,319	1.7	1,470	13.9	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.8	0.0%	1.2	2,115	1.4	2,989	6.6	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.7	0.4%	1.1	2,081	2.8	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.6	-0.4%	1.1	1,593	0.8	3,438	6.6	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	50.7	0.2%	0.9	180	0.2	5,017	10.1	1.7	76.9%	17.1%
NTP	Nhựa	38.5	-0.5%	0.4	149	0.0	4,490	8.6	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.8	1.2%	1.2	657	0.0	732	23.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.4	1.5%	1.0	2,809	5.4	2,898	8.1	1.5	37.9%	19.9%
HSG	Thép	7.1	0.1%	1.5	131	0.7	425	16.7	0.6	17.6%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	123.0	-0.8%	0.8	9,313	3.3	5,465	22.5	7.6	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	275.6	-0.1%	0.8	7,684	0.4	6,735	40.9	10.1	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	77.0	-1.3%	1.2	3,913	0.5	3,304	23.3	2.9	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.2	0.0%	0.5	369	1.0	542	29.8	1.4	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	82.0	0.9%	0.8	7,762	0.1	2,630	31.2	5.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	134.0	1.4%	1.1	3,155	9.9	9,850	13.6	5.2	19.1%	43.3%
HVN	Vận tải	38.6	-1.0%	1.7	2,380	0.7	1,747	22.1	3.0	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.2	0.2%	0.8	364	0.9	1,888	14.9	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	18.3	1.7%	0.6	224	0.4	2,505	7.3	1.3	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.0	0.6%	0.9	593	1.1	7,458	11.7	4.4	2.3%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.4	-0.5%	0.9	359	0.1	1,333	13.8	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	-0.6%	0.8	261	0.0	1,657	9.5	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	99.9	-0.1%	0.7	332	0.1	13,465	7.4	1.0	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.2	-1.9%	1.1	503	0.3	1,307	20.0	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	20.5	0.0%	0.5	221	0.4	485	42.3	1.0	52.2%	2.4%
POW	Điện	13.2	-0.4%	0.6	1,344	0.5	820	16.1	1.3	14.7%	7.8%
NT2	Điện	24.9	0.2%	0.6	312	0.2	2,241	11.1	1.8	22.0%	16.9%

## Thống kê thị trường

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	134.00	1.36	0.29	1.71MLN
HPG	23.40	1.52	0.29	5.39MLN
FPT	54.40	2.64	0.28	1.87MLN
STB	10.70	3.88	0.22	6.01MLN
ROS	26.60	2.50	0.11	13.19MLN

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.30	3.28	0.23	5.47MLN
CTX	51.00	7.14	0.02	62000.00
VCS	87.00	0.58	0.02	298200.00
IVS	10.40	7.22	0.01	4900.00
SJ1	17.30	9.49	0.01	100.00

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	125.00	-0.87	-1.09	513250.00
VHM	87.00	-1.02	-0.89	582580.00
VCB	79.20	-1.00	-0.88	451500.00
VNM	123.00	-0.81	-0.52	621830.00
VRE	35.05	-1.96	-0.48	2.33MLN

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.60	-0.44	-0.17	814500.00
HHC	99.10	-9.91	-0.10	100.00
PVS	21.00	-0.94	-0.05	1.89MLN
VCG	26.20	-1.87	-0.04	290000.00
MBG	12.70	-9.93	-0.03	71100.00

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPK	3.21	7.00	0.00	1440.00
HVG	2.91	6.99	0.01	162860.00
RIC	6.28	6.98	0.00	2780.00
TCO	9.85	6.95	0.00	20.00
VNL	16.20	6.93	0.00	550.00

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSK	0.20	100.0	0.00	147700.00
DPS	0.50	25.0	0.00	41900.00
HKB	0.70	16.7	0.01	20200.00
VMS	7.70	10.0	0.00	100.00
SFN	23.20	10.0	0.00	500.00

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAH	12.00	-6.98	-0.01	1.06MLN
SVT	6.67	-6.97	0.00	1720.00
HRC	45.05	-6.92	-0.03	3790.00
HOT	39.85	-6.89	-0.01	50.00
CCI	13.60	-6.85	-0.01	270.00

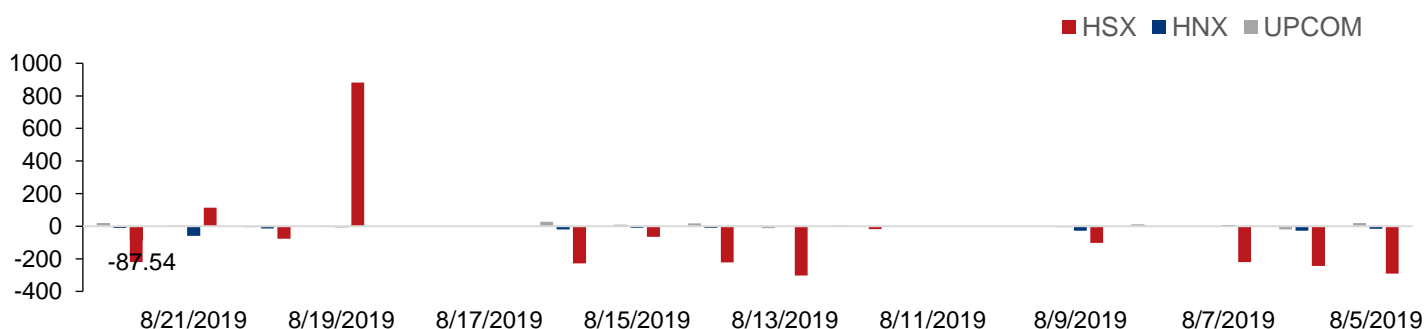
### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	232600.00
POT	16.20	-10.00	-0.01	100.00
MBG	12.70	-9.93	-0.03	71100.00
HHC	99.10	-9.91	-0.10	100.00
SCL	3.70	-9.76	0.00	300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

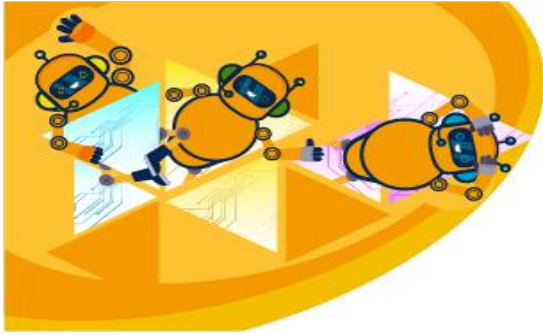


## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
6	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
12	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	29.0	3,705	7.8	2.1	<a href="#">Click</a>
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	54.4	4,349	12.5	2.8	<a href="#">Click</a>
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	16.1	649	24.8	1.4	<a href="#">Click</a>
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	116.5	7,893	14.8	4.9	<a href="#">Click</a>
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	82.8	4,727	17.5	4.5	<a href="#">Click</a>
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.2	5,276	10.3	2.9	<a href="#">Click</a>
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.5	4,234	7.0	1.0	<a href="#">Click</a>
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.6	3,438	6.6	1.5	<a href="#">Click</a>
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.9	3,181	5.6	1.5	<a href="#">Click</a>
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	7.1	425	16.7	0.6	<a href="#">Click</a>
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	48.0	4,314	11.1	3.3	<a href="#">Click</a>
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	77.0	3,304	23.3	2.9	<a href="#">Click</a>
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	159.9	7,716	20.7	10.7	<a href="#">Click</a>
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.2	1,888	14.9	1.4	<a href="#">Click</a>
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	116.5	7,893	14.8	4.9	<a href="#">Click</a>
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.9	3,760	8.2	1.6	<a href="#">Click</a>
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	8.1	1,433	5.7	0.5	<a href="#">Click</a>
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	82.8	18,865	4.4	1.7	<a href="#">Click</a>
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	22.4	1,295	17.3	1.7	<a href="#">Click</a>
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.8	3,437	5.5	1.3	<a href="#">Click</a>



**TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER**  
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



**Trợ lý phân tích định lượng (kim):** gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



**Trợ lý phân tích cơ bản (mộc):** có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



**Trợ lý báo cáo phân tích (thủy):** Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



**Trợ lý phái sinh (hỏa):** cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây  
Bản công bố rủi ro

[Link](#)  
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng  
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)  
[Link](#)

**Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày**

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị <b>THEO DÕI</b> ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao định ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị <b>MUA</b> ; Giá mục tiêu <b>33350</b> ; Giá tại Publish <b>27000</b> BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị <b>THEO DÕI</b> ; Giá mục tiêu <b>138500</b> ; Giá tại Publish <b>120600</b> BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sửa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sửa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị <b>THEO DÕI</b> ; Giá mục tiêu <b>82300</b> ; Giá tại Publish <b>75000</b> BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thực ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị <b>THEO DÕI</b> ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

